

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.*

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 98/1999/QĐ/BTC

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 1999

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Ban hành biểu mức thu lệ phí đăng ký phương tiện,
hành nghề kinh doanh vận tải thủy nội địa,
lệ phí thi, cấp đổi bằng thuyền trưởng, máy trưởng và
lệ phí hoạt động khai thác vùng nước đường thủy nội địa

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 2/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, Cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/01/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc ngân sách Nhà nước;

Sau khi có ý kiến tham gia của Bộ Giao Thông vận tải (tại công văn số 2379/GTVT ngày 17 tháng 7 năm 1999);

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu mức thu lệ phí đăng ký phương tiện, hành nghề kinh doanh vận tải thủy nội địa, lệ phí thi, cấp đổi bằng thuyền trưởng, máy trưởng và lệ phí hoạt động khai thác vùng nước đường thủy nội địa thay thế biểu mức thu kèm theo Thông tư số 53TC/TCT ngày 16/8/1997 của Bộ Tài chính.

Điều 2: Đối tượng nộp, việc tổ chức thu nộp tiền lệ phí thực hiện theo quy định tại Thông tư số 53 TC/TCT ngày 16/8/1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý lệ phí về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

Điều 3: Cơ quan thu lệ phí quản lý nhà nước về đường thủy nội địa thực hiện đăng ký, kê khai, thu, nộp lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn đường thủy nội địa với cơ quan thuế địa phương nơi thu lệ phí theo quy định tại Thông tư số 54/1999/TT/BTC ngày 10/5/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 31/1/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 5: Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải nộp lệ phí, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thu lệ phí đảm bảo trật tự an toàn đường thủy nội địa và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

K/T BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

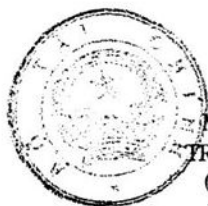
THỦ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP,
- UBND, Sở Tài chính, Cục Thuế các tỉnh, TP trực thuộc TƯ,
- Lưu: VP (TH, HC); TCT(HC, NV4).



Phạm Văn Trọng



**MỨC THU LỆ PHÍ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO ĐẢM
TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA**
(ban hành kèm theo Quyết định số: 98/1999/QĐ/BTC
ngày 25 tháng 08 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TT	Nội dung các khoản thu	Mức thu (đồng/giấy phép hoặc lần)
1	2	3
A	Lệ phí quản lý phương tiện thủy nội địa	
1	Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	70.000
2	Giấy phép vận tải (hàng hoá, hành khách, du lịch)	30.000
3	Giấy phép vận tải liên vận quốc tế	100.000
4	Giấy phép đóng mới phương tiện	100.000
B	Lệ phí thi cấp đổi bằng thuyền, máy trưởng	
1	Lệ phí thi thuyền trưởng:	
	+ Hàng 1	400.000
	+ Hàng 2	350.000
	+ Hàng 3	300.000
	+ Hàng 4 + chuyển loại	250.000
2	Lệ phí thi máy trưởng	
	+ Hàng 1	350.000
	+ Hàng 2	300.000
	+ Hàng 3	250.000
	+ Hàng 4 + chuyển loại	200.000
3	Lệ phí cấp, đổi bằng thuyền, máy trưởng	50.000
4	Lệ phí cấp giấy phép lái đò	50.000
5	Lệ phí điều khiển gia dụng	20.000
C	Lệ phí quản lý vùng nước đường thủy nội địa	
1	Giấy phép khai thác vật liệu xây dựng bằng phương pháp thô sơ	50.000
2	Giấy phép khai thác vật liệu xây dựng bằng phương pháp cơ giới	200.000
3	Giấy phép khu vực luyện tập thể thao, thi đấu thể thao, vui chơi giải trí, họp chợ	100.000
4	Giấy phép sử dụng vùng nước và bến thủy tạm thời	40.000